

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HC-ST
Ngày: 27 - 8- 2020
“V/v khiếu kiện QĐHC trong lĩnh
vực miễn, giảm tiền sử dụng đất đối
với người có công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh và ông Nguyễn Hồ Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2019/TLST-HC ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trần H, sinh năm 1947; Có mặt

Địa chỉ: Khối 5, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Đậu Đình H, Văn phòng Luật sư P - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C: Chức vụ: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Theo Quyết định ủy quyền số 5670/QĐ - UBND ngày 27/9/2019); Có đơn xin xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: Địa chỉ: Khối 5, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 105 tờ bản đồ 41 tại khối 4 phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, được ông Nguyễn Trần H nhận chuyển nhượng từ ông Hòe bà B từ năm 1989. Ngày 03/01/2003 ông Nguyễn Trần H có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận ngày 11/4/2003 đất nhận chuyển nhượng từ ông Hòe từ năm 1989 không có tranh chấp, gia đình đã H thành các loại nghĩa vụ. Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành xác định ranh giới mốc giới thửa đất và có tờ trình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trần H vào ngày 13/6/2003. Đến ngày 02/7/2003 Sở xây dựng đã cấp giấy phép số 268/GP/SXD cho phép gia đình ông H xây dựng nhà 02 tầng trên thửa đất nêu trên. Đến năm 2016 ông H tiếp tục làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì số tiền sử dụng đất ông H phải nộp trên 1 tỷ đồng, số tiền này quá lớn đối với gia đình ông, bản thân ông là thương binh $\frac{3}{4}$. Sau khi ông H có đơn đề nghị xem xét giảm tiền sử dụng đất khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/7/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có công văn số 3803/UBND - TD về việc trả lời đơn của công dân trong đó viện dẫn công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Vinh. Nội dung công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 nêu; “Pháp luật về người có công với cách mạng hiện không có quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các trường hợp: Chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy gia đình ông không thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định. Mặt khác, từ trước đến nay, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh (Phòng lao động xã hội) chưa nhận được hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Trần H”. Sau khi nhận được công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh ông H làm hồ sơ theo hướng dẫn kèm theo đơn đề nghị giảm tiền sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân phường L để xác nhận hộ khẩu thường trú và việc sử dụng đất cho gia đình ông. Ngày 20/6/2018, ông H đã gửi đơn và hồ sơ đến Ủy ban nhân dân thành phố Vinh thì được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh trả lời như công văn số 3803/UBND - TD. Mặc dù, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh trả lời ông “lần cuối về nội dung này” nhưng ông H cho rằng việc trả lời đó là không đúng quy định của pháp luật đối với người có công với cách mạng. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét hủy công văn số 3803/UBND -TD ngày 06/7/2018 và công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vinh ông Lê Sỹ C trình bày: Ông Nguyễn Trần H là thương binh hạng $\frac{3}{4}$ trú tại phường L, thành phố Vinh, đã nộp

hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với giấy xác nhận người có công với cách mạng đến Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, nhưng theo thông báo của Chi Cục thuế thành phố Vinh thì ông Nguyễn Trần H phải nộp 100% tiền sử dụng đất vì: Căn cứ điều 11, điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ - CP của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất thì việc miễn, giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với người có công với cách mạng (bao gồm giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thực hiện theo quy định của pháp luật về người có công. Tuy nhiên, pháp luật về người có công hiện nay không có quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, ngày 13/10/2016 Bộ tài chính có công văn số 14458/BTC - QLCS về việc thực hiện chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất cho người có công trong đó nêu: “Trường hợp người có công khi được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa được miễn giảm lần nào thì được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở trong hạn mức được giao đất ở. Việc xem xét hỗ trợ phải tuân theo điều kiện quy định của pháp luật về người có công do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tùy theo H cảnh cụ thể và ngân sách địa phương”

Bất cập nêu trên đã được UBND thành phố Vinh báo cáo lên Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các Bộ chuyên ngành. Sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân thành phố Vinh chỉ thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng người có công trong 02 trường hợp “giao đất định giá, mua nhà thuộc sở hữu nhà nước và hỗ trợ khác khi giao đất tái định cư (Mỗi hộ hỗ trợ không quá 40 triệu đồng). Còn đối với vấn đề chuyển mục đích sử dụng đất thì chưa có văn bản hướng dẫn thi hành.

Vì vậy, phía người bị kiện không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên công văn số 3803/UBND-TD ngày 06/7/2018 và công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh. Người bị kiện cho rằng nếu người khởi kiện đưa ra được căn cứ pháp luật quy định thì phía người bị kiện mới có căn cứ xem xét. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 2; khoản 3 Điều 2 Quyết định số 118-TTg ngày 27/2/1996. Điểm c, khoản 2 Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Nghị định số 45/2014/NĐ-

CP ngày 15/5/2015 để cho ông H được hưởng chính sách giảm tiền sử dụng đất đối với người có công khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định pháp luật hiện hành bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần H đề nghị Tòa án hủy: Công văn số 3803/UBND - TD Ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh về việc trả lời đơn của công dân; Công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Vinh về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trần H, khối 4 phường L, thành phố Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Công văn số 3803/UBND - TD ngày 06/7/2018 của ủy ban nhân dân thành phố Vinh về việc trả lời đơn của công dân và công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Vinh về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trần H là Quyết định hành chính trong lĩnh vực thực hiện chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 06/7/2018 Ủy ban nhân dân thành phố Vinh ban hành Công văn số 3803/UBND - TD, ngày 19/4/2018 ủy ban nhân dân thành phố Vinh công văn số 2007/UBND - LĐTBXH đến ngày 05/7/2019 ông

Nguyễn Trần H có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của Công văn số 3803/UBND - TD ngày 06/7/2018 và công văn số 2007/UBND - LĐTĐ ngày 19/4/2018 của ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành: Thửa đất số 105 tờ bản đồ 41 tại khối 4 phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, ông Nguyễn Trần H nhận chuyển nhượng từ ông Hồ bà B từ năm 1989. Ngày 03/01/2003 ông Nguyễn Trần H có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận ngày 11/4/2003 đất nhận chuyển nhượng từ ông Hồ từ năm 1989 không có tranh chấp, gia đình đã sử dụng đến nay. Sau khi ông H có đơn đề nghị xem xét giảm tiền sử dụng đất khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn không được nên ngày 26/3/2018 ông Nguyễn Trần H có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thành phố Vinh. Ngày 06/7/2018 Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có công văn số 3803/UBND - TD về việc trả lời đơn của công dân trong đó viện dẫn công văn số 2007/UBND - LĐTĐ ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Vinh. Nội dung công văn số 2007/UBND - LĐTĐ ngày 19/4/2018 nêu “Pháp luật về người có công với cách mạng hiện không có quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các trường hợp: Chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy gia đình ông không thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định...”.

Như vậy, việc ông H có đơn khiếu nại về việc không được giảm tiền sử dụng đất khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đáng lẽ ra Ủy ban nhân dân thành phố Vinh phải căn cứ vào đơn khiếu nại để trả lời ông H theo đúng quy định, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Vinh lại ban hành công văn trả lời đơn thư cho ông H là vi phạm quy định tại điều khoản 3 Điều 6 Luật khiếu nại “Ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định” và thẩm quyền giải quyết khiếu nại vi phạm điều Điều 17, Điều 18 luật khiếu nại. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật TTHC và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/11/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính là văn bản được thể hiện dưới hình thức quyết định hoặc dưới hình thức khác như thông báo, kết luận, công văn do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức đó ban hành có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt

động quản lý hành chính mà người khởi kiện cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Như vậy, công văn số 3803/UBND - TD về việc trả lời đơn của công dân trong đó viện dẫn công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh có chứa đựng nội dung trả lời của ông Nguyễn Trần H và ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Vì vậy nó được xem là Quyết định hành chính.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vinh ra quyết định giải quyết khiếu nại của ông H không bằng hình thức quyết định mà bằng văn bản là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[4.2] Về nội dung văn bản số 3803/UBND - TD ngày 06/7/2018 và công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Hội đồng xét xử thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 105 tờ bản đồ 41 tại khối 4 phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, được ông Nguyễn Trần H nhận chuyển nhượng từ ông Hòe bà B từ năm 1989 và sử dụng liên tục cho đến nay. Căn cứ bản đồ đo đạc qua các thời kỳ phản ánh Bản đồ đo đạc năm 1993 thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ số 27 có diện tích 94m². Bản đồ đo đạc năm 2001 thuộc thửa đất số 105 tờ bản đồ số 41 có diện tích 151,60m² diện tích chênh lệch giữa hai lần đo là 57,60 m². Nguyên nhân tăng là do hộ gia đình ông Nguyễn Trần H coi nơi lấn chiếm ao sau năm 1993. Năm 2003, gia đình ông H làm hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nghị Định 60/CP. Ngày 29/12/2016, Ủy ban nhân dân phường L có văn bản số 359/UBND.DC xác nhận ông Nguyễn Trần H nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp lệ tại Ủy ban nhân dân phường L ngày 11/4/2003 để Chi cục thuế thành phố Vinh làm căn cứ tính các khoản thu nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định. Ngày 05/6/2017, Chi cục Thuế thành phố Vinh có văn bản số 974/CCT - KTNB trả lời đơn của ông Nguyễn Trần H. Theo đó Chi cục thuế thành phố Vinh trả lời ngày 06/3/2017 Chi cục thuế thành phố Vinh nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trần H do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh chuyển đến trong đó xác nhận thời điểm công dân nộp đủ hồ sơ hợp lệ tại Ủy ban nhân dân phường là ngày 11/4/2003. Phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính về đất đai đề ngày 01/3/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, tại mục 2.3 Phần II đề nghị thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích 56 m². Từ đó Chi cục thuế thành phố Vinh đã áp giá đất năm 2003 để xác định nghĩa vụ tài chính cho gia đình ông H. Theo bảng giá các loại đất tại Ủy ban nhân dân phường L năm 2003 quy định đối với thửa 105 tờ bản đồ 41 là 5.000.000 đồng/m². Tổng diện tích mà gia đình Ông H phải nộp là 283.750.000 đồng (trong đó lệ phí trước bạ 3.750.000 đồng, tiền sử dụng đất là

280.000.000 đồng). Tuy nhiên, đến ngày 26/7/2017 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh có văn bản số 1908/VPĐK trả lời ông Nguyễn Trần H tại mục 2 của văn bản nêu rõ “Đối với nội dung ông Nguyễn Trần H đề nghị được áp giá đất năm 2003 để tính tiền sử dụng đất: Theo nội dung công văn trả lời số 974/CCT - KTNB ngày 05/6/2017 của Chi cục thuế thành phố Vinh thì Chi cục thuế thành phố Vinh đã áp giá đất năm 2003 để xác định nghĩa vụ tài chính cho hộ ông H. Tuy nhiên, việc Chi cục thuế thành phố Vinh áp giá năm 2003 để tính thuế trong trường hợp này là chưa đúng. Việc xử lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải áp dụng chính sách và giá đất cùng thời điểm. Do thủ tục công khai năm 2016 nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất căn cứ quy định hiện hành để xử lý hồ sơ, nhưng cục thuế áp giá năm 2003 là không phù hợp (phải áp giá đất năm 2016)... Đến ngày 06/12/2017 ông Nguyễn Trần H đã trực tiếp nộp 168.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Ngày 07/02/2018 Chi cục thuế thành phố Vinh có thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với ông H số tiền 1.176.000.000 đồng. Không đồng ý với số tiền nêu trên ông H đã nhiều lần có đơn gửi Ủy ban nhân dân thành phố Vinh đề nghị được giảm số tiền sử dụng đất vì bản thân ông là thương Binh $\frac{3}{4}$ thuộc đối tượng người có công với cách mạng.

Thấy rằng việc gia đình ông H hiện là thương binh $\frac{3}{4}$ và chủ sử dụng thửa đất nêu trên là đúng thực tế và cũng đúng như lời khai của ông. Tuy nhiên, căn cứ vào quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất theo pháp luật đất đai và quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất theo pháp luật về người có công cụ thể:

Tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất quy định: “Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với người có công với cách mạng thuộc đối tượng được miễn tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công”

Tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định: “Giảm tiền sử dụng đất đối với đất ở trong hạn mức giao đất ở (bao gồm giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận cho người đang sử dụng đất) đối với người có công với cách mạng mà thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công”.

Tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính quy định: “Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở trong trường hợp được nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật về người có công. Việc miễn tiền sử dụng đất, đối với người có công với cách mạng chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan nhà nước có

thẩm quyền về việc cho phép miễn tiền sử dụng đất theo pháp luật về người có công”..

Tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Điều 2 Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở quy định:

“1. Tùy theo điều kiện và khả năng của địa phương, việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở có thể áp dụng một trong các hình thức sau đây:

- Tặng nhà tình nghĩa,
- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở,
- Hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần tiền sử dụng đất khi bán nhà của Nhà nước hoặc khi giao đất làm nhà ở;
- Các hình thức hỗ trợ khác.

2. Điều kiện và mức hỗ trợ

a) Người có công với cách mạng có H cảnh khó khăn đặc biệt không thể tạo lập được nhà ở mà chưa được thuê nhà của Nhà nước hoặc bị mất nhà do thiên tai, hỏa hoạn...thì tùy theo điều kiện của địa phương, H cảnh và công lao của từng người được xét tặng “Nhà tình nghĩa”, được giao đất làm nhà ở, hoặc được mua nhà trả góp."

Tại Khoản 4, Điều 4, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 13 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PLUBTVQH, có quy định như sau: “Nhà nước có chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ có khó khăn về nhà ở và huy động sự tham gia của xã hội, gia đình người có công với cách mạng”,

Tại Điều 55 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng có quy định:

“2. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ nếu mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thì được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ nếu được Nhà nước giao đất làm nhà ở thì tùy theo công lao đóng góp sẽ được giảm một phần tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân thành phố Vinh đã có văn bản số 4181/UBND - LĐTBXH ngày 22/8/2016 gửi Bộ tài chính đề nghị hướng dẫn cụ thể một số vướng mắc trong việc thực hiện chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công”. Ngày 13/10/2016 Bộ tài chính đã có văn bản số 14458/BTC -

QLCS trả lời Ủy ban nhân dân thành phố Vinh về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng như sau:

1. Trường hợp người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về người có công khi được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa được miễn, giảm tiền sử dụng đất lần nào thì được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở trong hạn mức giao đất ở, đối với phần diện tích đất ngoài hạn mức thì không được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất. Việc xem xét hỗ trợ phải theo điều kiện quy định tại pháp luật về người có công do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo H cảnh cụ thể và ngân sách địa phương”.

Như vậy, các văn bản pháp luật về người có công không có quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có hình thức miễn, giảm tiền sử dụng đất khi được nhà nước giao đất làm nhà ở hoặc mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

Đối với địa bàn tỉnh Nghệ An, việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng là người có công với cách mạng hiện nay vẫn thực hiện theo Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 về việc ban hành quy định hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chưa có văn bản hướng dẫn mới. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh chỉ thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng người có công trong 02 trường hợp “giao đất định giá, mua nhà thuộc sở hữu nhà nước và hỗ trợ khác khi giao đất tái định cư”.

Đối chiếu với các quy định hiện hành, ông Nguyễn Trần H không đủ điều kiện để xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ 41, thuộc khối 4, nay là khối 5) phường L. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H đưa ra, cũng như không có căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Trần H.

Việc ủy ban nhân dân thành phố Vinh ban hành công văn số 3803/UBND - TD ngày 06/7/2018 về việc trả lời đơn của công dân và công văn số 2007/UBND - LĐT BXH ngày 19/4/2018 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trần H, khối 4 phường L, thành phố Vinh mặc dù có vi phạm về hình thức và thẩm quyền theo luật khiếu nại nhưng không ảnh hưởng đến nội dung mà ông H yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần phải hủy hai văn bản nêu trên mà cần rút kinh nghiệm đối với Ủy ban nhân dân thành phố Vinh trong việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận lẽ ra ông H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm nhưng do ông H thuộc đối tượng người cao tuổi và là thương binh nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Khoản 4 Điều 32, Điểm a Khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/11/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Luật khiếu nại; Nghị Định 45/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Pháp luật về người có công; Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần H đề nghị Tòa án hủy: Công văn số 3803/UBND - TD Ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh về việc trả lời đơn của công dân; Công văn số 2007/UBND - LĐTBXH ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Vinh về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trần H, khối 4 phường L, thành phố Vinh.

Về án phí: Ông Nguyễn Trần H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THSDS tỉnh Nghệ An;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Cảnh

Ngô Xuân Thanh

Thái Thị Hồng Vân

